

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15/4/2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Công văn số 2384/BTTTT-THH ngày 28/7/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn mẫu Đề cương Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp Bộ, mẫu Đề cương Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1178/BTTTT-THH ngày 21/4/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 1.0;

Căn cứ Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 692/THH-KH ngày 28/9/2018 của Cục Tin học hóa, Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ý kiến góp ý đối với Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 66/TTr-STTTT ngày 15/10/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử (CQĐT) tỉnh Bình Phước, với các nội dung chủ yếu sau:

I. Tổng quan về Chính quyền điện tử:

1. Khái niệm về Chính quyền điện tử: Chính quyền điện tử là Chính quyền ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tăng cường công khai, minh bạch thông tin, cung cấp dịch vụ công tốt hơn cho người dân và doanh nghiệp.



2. Các giai đoạn phát triển của Chính quyền điện tử:

+ Giai đoạn 1 - Thông tin: Trong giai đoạn đầu, Chính quyền điện tử có nghĩa là hiện diện trên trang web và cung cấp cho công chúng các thông tin (thích hợp). Giá trị mang lại ở chỗ công chúng có thể tiếp cận được thông tin của chính quyền, các quy trình trở nên minh bạch hơn, qua đó nâng cao chất lượng dịch vụ. Với sự tương tác giữa các cơ quan chính quyền (G2G), các cơ quan chính quyền cũng có thể trao đổi thông tin với nhau bằng các phương tiện điện tử, như Internet, hoặc trong mạng nội bộ.

+ Giai đoạn 2 - Tương tác: Trong giai đoạn thứ hai, sự tương tác giữa chính quyền và công dân (G2C) và với doanh nghiệp (G2B) được thông qua nhiều ứng dụng khác nhau. Người dân có thể hỏi qua thư điện tử, sử dụng các công cụ tra cứu, tải xuống các biểu mẫu và tài liệu. Các tương tác này giúp tiết kiệm thời gian. Việc tiếp nhận đơn thư, kiến nghị có thể thực hiện trực tuyến 24 giờ trong ngày. Giai đoạn này thực hiện được khi thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế một cửa điện tử, cơ chế một cửa liên thông điện tử.

+ Giai đoạn 3 - Giao dịch: Với giai đoạn thứ ba, tính phức tạp của công nghệ có tăng lên, nhưng sự tương tác (G2C và G2B) cũng tăng. Các giao dịch hoàn chỉnh có thể thực hiện mà không cần đi đến cơ quan hành chính. Mở rộng các dịch vụ trực tuyến mức độ 3 và 4. Giai đoạn 3 là giai đoạn phức tạp bởi các vấn đề an ninh và cá thể hóa, chẳng hạn như chữ ký số (chữ ký điện tử) là cần thiết để cho phép thực hiện việc chuyển giao các dịch vụ một cách hợp pháp. Về khía cạnh doanh nghiệp, Chính quyền điện tử hỗ trợ các ứng dụng mua bán trực tuyến. Ở giai đoạn này, các quy trình nội bộ (G2G) phải được thiết kế lại để cung cấp dịch vụ được tốt hơn. Chính quyền cần những quy định pháp luật để cho phép thực hiện các giao dịch không sử dụng tài liệu bằng giấy.

+ Giai đoạn 4 - Chuyển hóa: Giai đoạn thứ tư là khi mọi hệ thống thông tin được tích hợp hoàn toàn, các dịch vụ điện tử không còn bị giới hạn bởi các ranh giới hành chính. Khi đó người dân có thể hưởng các dịch vụ G2C và G2B tại một bàn giao dịch (điểm giao dịch ảo). Ở giai đoạn này, tiết kiệm chi phí, hiệu quả và đáp ứng nhu cầu khách hàng đã đạt được đến mức cao nhất có thể.

3. Vai trò của Kiến trúc CQĐT trong xây dựng CQĐT:

Việc xây dựng Kiến trúc CQĐT ở các cấp đóng vai trò quan trọng trong phát triển CQĐT, đặc biệt khi việc triển khai ứng dụng CNTT trong các tỉnh ngày càng được phát triển cả về chiều sâu và chiều rộng. Kiến trúc CQĐT thể hiện thiết kế tổng thể các thành phần trong CQĐT của các cơ quan nhà nước (CQNN), chức năng, mối quan hệ giữa các thành phần.

II. Mục đích và phạm vi áp dụng:

1. Mục đích xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước:

- Tăng cường khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) của các sở, ngành, các địa phương nhằm tạo thuận lợi trong việc giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính công cho các

tổ chức, doanh nghiệp và người dân bất kể trong hay ngoài giờ làm việc với mục tiêu chuyển từ Chính quyền quản lý sang Chính quyền phục vụ và kiến tạo;

- Tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư; đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai của cơ quan nhà nước;

- Nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế;

- Đề xuất Danh mục các chương trình/nhiệm vụ cần triển khai để cơ bản hoàn thành hệ thống CQĐT tỉnh Bình Phước vào năm 2020 (gồm nền tảng CQĐT, các ứng dụng và CSDL, hạ tầng CNTT, đào tạo) và lộ trình triển khai các dự án này.

2. Phạm vi áp dụng:

Tài liệu này áp dụng cho toàn bộ các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước gồm:

- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Hội đồng nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Hội đồng nhân dân cấp xã và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Để làm cơ sở triển khai hệ thống CQĐT tỉnh Bình Phước trong thời gian sắp tới, các cơ quan và tổ chức khác cũng có thể tham khảo để triển khai ứng dụng CNTT của đơn vị mình bảo đảm tính kết nối, liên thông và đồng bộ với hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

III. Hiện trạng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước:

1. Phân tích chức năng, nhiệm vụ, định hướng phát triển các cơ quan nhà nước tỉnh Bình Phước để xây dựng mô hình liên thông nghiệp vụ.

2. Hiện trạng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước:

Hiện trạng phát triển Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước đang trong quá trình hoàn thiện Giai đoạn 2: Tương tác (Interaction), một số tiêu chí đạt Giai đoạn 3: Giao dịch (Transaction), cụ thể như sau:

- Người sử dụng:
 - + Cán bộ, công chức tại các cơ quan nhà nước cơ bản đáp ứng sử dụng thành thạo máy tính, mạng Internet.
 - + Cán bộ Phụ trách về CNTT còn thiếu.
 - + Trình độ dân trí chưa đồng đều, chưa mạnh dạn sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin giao tiếp với cơ quan hành chính thay cho phương thức truyền thống là nộp trực tiếp hồ sơ.
- Kênh truy cập:

Người sử dụng (công dân, tổ chức và công chức, viên chức) có thể sử dụng các dịch vụ nghiệp vụ hiện tại của CQĐT thông qua một số kênh truy cập như: gặp trực tiếp, mạng trực tuyến, mạng nội bộ, thư điện tử, kiosk, SMS, phone/fax... Sự đa dạng kênh giao tiếp này tạo thuận tiện cho người sử dụng truy cập, sử dụng các dịch vụ của hệ thống CQĐT tỉnh Bình Phước.

- Dịch vụ nghiệp vụ:

Hiện nay Bình Phước có tổng số thủ tục hành chính là 1.653 thủ tục. Trong đó, số dịch vụ công cung cấp ở mức độ 1 là 11 thủ tục, mức độ 2 là 1.435 thủ tục, mức độ 3 là 136 thủ tục và 71 thủ tục ở mức độ 4.

- Các ứng dụng:

+ Đã đầu tư triển khai một số ứng dụng cơ bản cần thiết cho sự phát triển của CQĐT như: Cổng Thông tin điện tử tỉnh, một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến (DVCTT), thư điện tử công vụ... đã phân nào hỗ trợ tốt chức năng tiếp nhận xử lý hồ sơ thủ tục hành chính và quản lý văn bản, điều hành. Tuy nhiên, một số ứng dụng của tỉnh còn phát triển rời rạc, phân mảnh, vận hành riêng lẻ tại các đơn vị; sự liên thông, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các ứng dụng chưa đáp ứng nhu cầu. Thực trạng này bắt nguồn từ việc kinh phí ứng dụng CNTT tại địa phương được phân bổ nhỏ lẻ, chưa đủ nguồn lực để triển khai các hệ thống lớn dùng chung cho tất cả các đơn vị.

+ Chưa có đầy đủ các phần mềm nghiệp vụ chuyên ngành hoặc có nhưng chưa đáp ứng yêu cầu để phục vụ xử lý, hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình cung cấp các dịch vụ cho người dân và doanh nghiệp. Định hướng của tỉnh là: sử dụng các hệ thống phần mềm, ứng dụng dùng chung.

+ Đối với hệ thống DVCTT: Các DVCTT mức độ 3, mức độ 4 hiện tại chưa đảm bảo hoàn toàn theo quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BTTTT ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc cung cấp DVCTT và bảo đảm khả năng truy cập thuận tiện đối với Trang thông tin điện tử hoặc Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước. Việc sử dụng các DVCTT mức độ 3 và mức độ 4 chưa phát huy tác dụng như mong muốn, tỷ lệ giao dịch qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đạt khoảng 20%, chủ yếu do các nguyên nhân: người dân chưa được tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể; do tâm lý còn e ngại, chưa tin tưởng vào dịch vụ qua Internet, điều kiện của người dân về trang thiết bị tin học còn gặp nhiều khó khăn.

- Cơ sở dữ liệu:

+ Chưa có nhiều CSDL dùng chung trong phạm vi toàn tỉnh;

+ Một số cơ sở dữ liệu ngành được xây dựng riêng lẻ (như quản lý công chức, viên chức; quản lý tài chính, quản lý đất đai...) chưa được chia sẻ, dùng chung cho các hệ thống khác.

- Ứng dụng nền tảng:

+ Đã có triển khai các ứng dụng nền tảng đảm bảo cho việc triển khai các ứng dụng như: ứng dụng nền tảng cổng thông tin, ứng dụng nền tảng quản lý

văn bản và điều hành.

+ Do các ứng dụng được triển khai trên các nền tảng công nghệ khác nhau nên cần thiết phải có nền tảng chia sẻ tích hợp cấp tỉnh để đảm bảo kết nối, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin trong nội bộ tỉnh và kết nối ra bên ngoài.

- Hạ tầng kỹ thuật:

+ Đã có đầu tư Trung tâm dữ liệu của tỉnh cơ bản đạt chuẩn Tier 2.

+ Đã có trang bị máy tính làm việc và kết nối mạng cho hầu hết các cán bộ công chức.

+ Đã trang bị một số máy chủ phục vụ triển khai ứng dụng dùng chung toàn tỉnh và ứng dụng chuyên ngành.

+ Hệ thống bảo đảm an toàn an ninh thông tin đã được trang bị ở mức cơ bản.

+ Hệ thống mạng WAN đã được thiết lập, tạo điều kiện thuận lợi bảo đảm sẵn sàng cho việc triển khai các ứng dụng dùng chung trên môi trường mạng.

+ Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin được đầu tư nhưng chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu của sự phát triển kinh tế, cải cách hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin tuy có mạnh nhưng chủ yếu tập trung ở trung tâm cấp tỉnh, huyện; việc triển khai ứng dụng CNTT ở cấp xã vẫn còn hạn chế.

+ Tại cấp xã, việc đầu tư trang thiết bị còn thiếu đồng bộ; do hạn hẹp về kinh phí nên thiết bị CNTT phần nào đã bị lạc hậu.

- Cơ sở vật chất: Cơ bản đáp ứng nhu cầu triển khai hạ tầng kỹ thuật của các đơn vị.

IV. Định hướng xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh

1. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Tầm nhìn, định hướng chiến lược phát triển CQĐT trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Định hướng kỹ thuật Khung kiến trúc CQĐT của tỉnh.

4. Lựa chọn Danh sách các nghiệp vụ liên thông để xây dựng Khung kiến trúc CQĐT phiên bản 1.0.

5. Định hướng tin học hóa các thủ tục hành chính của tỉnh Bình Phước.

6. Các nguyên tắc xây dựng Khung kiến trúc CQĐT của tỉnh.

V. Khung kiến trúc CQĐT cấp tỉnh

1. Mô hình Khung kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước

VI. Tổ chức triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước:

1. Lộ trình triển khai:

a) Giai đoạn 1: 2018 - 2019

* Mục tiêu: Xây dựng nền tảng CQĐT tỉnh Bình Phước.

* Nhiệm vụ trọng tâm:

- Nâng cấp, mở rộng trực tích hợp dịch vụ hiện có trên cơ sở chuẩn hóa công tác quản lý, lưu trữ, trao đổi dữ liệu theo các tiêu chuẩn được quy định trong Khung Kiến trúc CQĐT và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (nếu có).

- Căn cứ khả năng bố trí vốn, đầu tư xây dựng một số hệ thống ứng dụng nghiệp vụ phục vụ cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4 cho các sở, ban, ngành; tập trung ưu tiên các lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh; Đất đai; Y tế; Giao thông vận tải; Xây dựng; Tư pháp.

- Xây dựng các dịch vụ nền tảng, các CSDL, Danh mục dùng chung (tập trung vào các hệ thống phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ của các lĩnh vực); các phần mềm lõi dùng chung đảm bảo tính liên thông nghiệp vụ.

- Nâng cấp hệ thống một cửa điện tử liên thông theo định hướng mới của Chính phủ (nếu có), hướng đến mô hình tổ chức, hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tập trung.

- Đào tạo công dân điện tử thí điểm tại một số thị xã/huyện trên địa bàn tỉnh.

* Nhiệm vụ xem xét triển khai:

- Nâng cấp Cổng thông tin điện tử, Cổng giao tiếp dịch vụ công của tỉnh, các Trang thông tin điện tử của các cơ quan đơn vị nếu cần thiết để phục vụ cung cấp DVCTT mức độ 3, mức độ 4;

- Đầu tư mở rộng triển khai ứng dụng chữ ký số đến UBND cấp xã và các đơn vị trực thuộc cấp Sở; tiếp tục nâng cấp, sửa chữa duy trì, vận hành các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh.

- Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật CNTT đảm bảo an toàn thông tin tại Trung tâm dữ liệu và các cơ quan đơn vị trên địa bàn tỉnh, đảm bảo sẵn sàng kết nối phục vụ công tác quản lý Nhà nước.

- Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng dụng CNTT cho cán bộ, công chức các cấp; đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT cho các cơ quan; xây dựng và phát triển đội ngũ lãnh đạo CNTT các cấp.

- Tuyên truyền, phổ biến về ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính công.

- Ban hành các chính sách để huy động các nguồn vốn đầu tư cho ứng dụng và phát triển CNTT, các chính sách ưu tiên, thúc đẩy ứng dụng và phát triển CNTT.

b) Giai đoạn 2: 2019 - 2020

* Mục tiêu: Xây dựng CQĐT tỉnh Bình Phước.

* Các nhiệm vụ cần thực hiện:

- Xây dựng Hệ thống/nền tảng kết nối quy mô địa phương (LGSP) và hệ thống Kho dữ liệu báo cáo, thống kê.

- Tiếp tục hoàn thiện các CSDL dùng chung, CSDL chuyên ngành dựa trên nền hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ quản lý nhà nước tỉnh Bình Phước.

- Mở rộng, phát triển các DVCTT từ mức độ 3 lên mức độ 4 cho các lĩnh vực thường xuyên có giao dịch.

- Kiểm tra, duy trì, nâng cấp mạng WAN đảm bảo băng thông kết nối, ổn định thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị trên toàn tỉnh phục vụ triển khai các hệ thống ứng dụng mới.

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT tại Trung tâm dữ liệu đảm bảo sẵn sàng đáp ứng nhu cầu triển khai các ứng dụng, cơ sở dữ liệu mới.

- Xây dựng các ứng dụng chuyên ngành ở mọi lĩnh vực cho các sở, ban, ngành và các cơ quan hành chính cấp huyện, cấp xã.

- Xây dựng phần mềm báo cáo thống kê tổng hợp cho chính quyền các cấp.

- Đào tạo công dân điện tử thí điểm thị xã/huyện khác trên địa bàn tỉnh.

b) *Giai đoạn 3: Từ năm 2021*

* Các nhiệm vụ cần thực hiện:

- Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống ứng dụng báo cáo, tổng hợp động, hệ thống hỗ trợ ra quyết định.

- Tiếp tục hoàn thiện Hệ thống/nền tảng kết nối quy mô địa phương (LGSP) đảm bảo các ứng dụng của tỉnh được triển khai hoàn toàn tuân thủ theo Kiến trúc SOA; đảm bảo khả năng chia sẻ, tích hợp dữ liệu trọn vẹn với các ứng dụng chuyên ngành của tỉnh và các ứng dụng của ngành dọc.

- Xây dựng các hệ thống quản lý quy trình nghiệp vụ, hệ thống quản lý, giám sát hạ tầng công nghệ thông tin, đặc biệt là các hệ thống giám sát an ninh, đảm bảo an toàn thông tin trên môi trường mạng.

- Xây dựng Trung tâm hỗ trợ dịch vụ của tỉnh, các hệ thống hỗ trợ truy nhập của người dân vào hệ thống dịch vụ của cơ quan chính quyền.

- Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

- Kiểm tra, đánh giá, nâng cấp Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước.

- Triển khai rà soát, đánh giá các hoạt động đã thực hiện, tiếp tục xây dựng kế hoạch cho các năm tiếp theo.

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

a) *Giải pháp về tài chính:*

- Tăng cường chính sách ưu tiên đầu tư, hỗ trợ cho ứng dụng và phát triển CNTT tại các cơ quan trong hệ thống chính trị. Quan tâm đầu tư kinh phí cho việc hoàn thiện hệ thống pháp lý, chuẩn hoá thông tin, chuẩn hoá các chỉ số báo cáo, thống kê, các chế độ đảm bảo dữ liệu đầy đủ và chính xác phục vụ các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT. Tập trung đầu tư cho một số dự án trọng điểm có tính đột phá và tạo nền móng cho hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển CNTT.

- Ngân sách tỉnh sẽ đảm bảo một phần kinh phí để thực hiện các chương trình/nhiệm vụ được đề xuất theo Kiến trúc; kêu gọi thêm các nguồn đầu tư, hỗ trợ từ các doanh nghiệp, người dân và nguồn các chương trình mục tiêu của Chính phủ, nguồn ODA.

b) Về tổ chức triển khai:

- Việc tổ chức thực hiện: Kiến trúc CQĐT của tỉnh được thống nhất từ cấp tỉnh đến các địa phương.

- Về chủ trương: UBND tỉnh sẽ ban hành các văn bản về xây dựng CQĐT của tỉnh để thống nhất nhận thức và tư duy, chủ trương, tổ chức triển khai thực hiện.

- Về quản lý: Tăng cường vai trò chỉ đạo của Ban Chỉ đạo xây dựng CQĐT tỉnh và vai trò tham mưu của Sở Thông tin và Truyền thông để đảm bảo tốt công tác triển khai các dự án thành phần thuộc Kiến trúc theo đúng lộ trình, quy định.

c) Nguồn nhân lực:

- Hình thành đội ngũ CNTT chuyên sâu; bổ sung, kiện toàn, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị.

- Bố trí biên chế để có hệ thống CQĐT đủ mạnh và đội ngũ vận hành CQĐT; có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài đối với đội ngũ cán bộ CNTT làm việc tại các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh.

- Đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ, công chức về CNTT. Tăng cường liên kết hợp tác trong đào tạo CNTT, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ kỹ sư, chuyên gia về CNTT.

d) Cơ chế chính sách:

- Tăng cường Hợp tác quốc tế và liên doanh liên kết, hợp tác công tư, thuê dịch vụ để phát triển CNTT.

- Xây dựng các cơ chế chính sách thu hút, khuyến khích tạo điều kiện, ưu đãi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư, triển khai xây dựng CQĐT trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các quy chế, quy định liên quan đến bảo đảm an toàn an ninh thông tin, quy trình giải quyết, xử lý các thủ tục hành chính liên thông điện tử giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hệ thống thông tin liên thông các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác đánh giá chỉ số ứng dụng CNTT xây dựng CQĐT, đưa chỉ số này thành một trong các tiêu chí để xét duyệt thi đua, khen thưởng các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về CNTT, tham mưu, đề xuất, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện triển khai CQĐT theo đúng Kiến trúc và lộ trình thực hiện.

Ngoài ra, các văn bản do UBND tỉnh cần ban hành để triển khai CQĐT cấp tỉnh gồm có:

- Quy trình quản lý đầu tư các bước phải phù hợp Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; Kiến trúc CQĐT cấp tỉnh (bao gồm nội dung, tiêu chí thẩm định thiết kế sơ bộ, thiết kế thi công; đánh giá hiệu quả đầu tư, so sánh phương án triển khai ứng dụng Chính phủ điện tử độc lập và phương án triển

khai trên nền tảng CQĐT).

- Các yêu cầu kỹ thuật đối với các ứng dụng triển khai trên nền tảng CQĐT cấp tỉnh do tỉnh ban hành.

- Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu/dữ liệu dùng chung của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế gắn chặt phát triển ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính, ISO điện tử và cải cách hành chính;

- Xây dựng chính sách ưu đãi đối với cán bộ kỹ thuật CNTT trong tỉnh Bình Phước;

- Xây dựng quy chế về các thông tin, số liệu bắt buộc phải tích hợp, công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Phước;

- Đưa ứng dụng CNTT vào tiêu chí thi đua, khen thưởng của tỉnh.

e) *Giải pháp quản lý xây dựng kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước.*

VII. Các Phụ lục.

VIII. Danh mục tài liệu tham chiếu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Tổ chức triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh đến các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện.

b) Cập nhật, duy trì Kiến trúc CQĐT tỉnh tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

c) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn triển khai thực hiện và tuân thủ Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước.

d) Tham gia thẩm định, góp ý về chuyên môn đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực CNTT đảm bảo tuân thủ Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước.

đ) Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT 05 năm và hàng năm của tỉnh phù hợp với Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước.

e) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện, áp dụng và tuân thủ Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Sở Thông tin và Truyền thông trong việc triển khai ứng dụng CNTT tại cơ quan, đơn vị, địa phương để thực hiện Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước.

b) Xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT 05 năm và hàng năm phù hợp với kế hoạch của tỉnh và Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước.

c) Đóng góp ý kiến để kiến trúc CQĐT tỉnh thường xuyên được cập nhật, đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện, thị xã trong từng giai đoạn.

d) Khi đầu tư mới, nâng cấp, mở rộng các hệ thống thông tin phải tuân thủ theo các mô hình kiến trúc, nguyên tắc, tiêu chuẩn công nghệ và các quy chuẩn khác của Kiến trúc CQĐT tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

(Kèm theo Bản Kiến trúc Chính quyền điện tử - phiên bản 1.0 và các Phụ lục)./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTU; TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- Lưu VT (T-11/19/10).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN ^{li}
CHỦ TỊCH



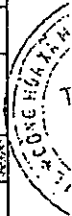
Nguyễn Văn Trăm



**BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH CÁC Ý KIẾN THAM GIA GÓP Ý
KIẾN TRÚC CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bình Phước, ngày 30/10/2018

STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH	Ghi chú
I	Sở Tài nguyên và Môi trường		
1	Tại mục XII – Sở Tài nguyên và Môi trường, trang 25: số lượng và mức độ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường không đúng theo Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (Quyết định 3141/QĐ-UBND ngày 25/12/2016 và Quyết định 1853/QĐ-UBND ngày 1/8/2018 của UBND tỉnh Bình Phước). Do đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông chỉnh sửa lại số liệu đúng theo 02 quyết định trên, cụ thể như sau: (Bảng 1)	Tiếp thu và chỉnh sửa	
2	Trong mục 2.6.2 – Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, trang 60 sửa thành: (Bảng 2)	Tiếp thu và chỉnh sửa	
3	“Tại Phụ lục 1 – Bảng 1: danh sách 498 TTHC liên thông cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã sửa thành”: (Bảng 3)	Tiếp thu và chỉnh sửa	
II	Sở Tư pháp		
	- Đề nghị căn lễ, định phong chữ cho phù hợp theo quy định của Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.	Tiếp thu và chỉnh sửa	
III	Sở Khoa học và Công nghệ		
1	Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu theo hướng thuê dịch vụ bên ngoài theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 80/2014/QĐ – TTg ngày 30/12/2014 quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước. Lý do: Tiết kiệm chi phí khi không phải đầu tư mới, nâng cấp, bảo trì, hàng năm đối với hạ tầng kỹ thuật; không phải huy động nguồn nhân lực và đào tạo, tập huấn cho đội ngũ vận hành hệ thống do đã được đơn vị cung cấp dịch vụ thực hiện. Bên cạnh đó, Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu có giải pháp xây dựng hệ thống độc lập để phục vụ cho việc sao lưu (backup) dữ liệu từ trung tâm dữ liệu được thuê ngoài để kịp thời khắc phục khi có sự cố, đồng thời bảo vệ thông tin, dữ liệu	Tiếp thu và chỉnh sửa	



STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH	Ghi chú
2	Khi xây dựng hệ thống công thông tin điện tử của toàn tỉnh	Tài liệu kiến trúc không thuyết minh nội dung này nên không đưa vào kiến trúc	
	Hệ thống này phải tích hợp được các ứng dụng dùng chung và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh		
3	Đảm bảo sự phù hợp với Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước giai đoạn 2018 – 2020	Tài liệu kiến trúc không thuyết minh nội dung này nên không đưa vào kiến trúc	
	Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, hoàn thiện Dự thảo Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước giai đoạn 2018 -2020 để đảm bảo phù hợp với lộ trình xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Phước; đồng thời đề nghị xem xét bổ sung các nhiệm vụ của ngành KH&CN đã được Sở KH&CN góp ý tại Công văn số 717/SKH&CN-ChN ngày 29/08/2018		
IV	Sơ Văn hóa, Thể thao và Du lịch		
1	Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông xem lại một số lỗi chính tả.	Tiếp thu và chỉnh sửa	
2	Ở mục 2.2.1 (Phần thứ nhất) Công dân và doanh nghiệp: Hiện tại đã có báo cáo tóm tắt chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng CNTT – TT Việt Nam năm 2018 (VIETNAM ICT INDEX 2018). Vì vậy không lấy chỉ số của VIETNAM ICT INDEX 2017. Theo VIETNAM ICT INDEX 2018 thì theo xếp hạng chung Bình Phước hiện đang đứng thứ 58 (có bảng minh chứng):	Tiếp thu và chỉnh sửa	
3	Ở chỉ mục Công thông tin điện tử tại mục 3 (Phần thứ nhất) : Hiện tại các Trang thông tin điện tử (công thành phần) đang có giao diện chung như Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, chưa có một giao diện đặc thù như dự thảo đã đưa ra (...Với website các đơn vị, có giao diện đặc thù trên thiết 22/22 sở, ban, ngành....).	Tài liệu kiến trúc không thuyết minh nội dung này nên không đưa vào kiến trúc	
4	Theo tổng thể Khung kiến trúc Chính phủ điện tử do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành phiên bản 1.0 thì hai chức năng Cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ và tích hợp Cổng thông tin điện tử là hai chức năng riêng biệt. Vì vậy đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh tích hợp hai chức năng này thành một chức năng chung.	Tiếp thu và chỉnh sửa	

STT	NỘI DUNG Ý KIẾN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH	Ghi chú
5	Ở mục IV.2.5.1. Tổ chức quản lý: Bổ sung thêm nội dung “ Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, tổ chức, đoàn thể, UBND các huyện, thị xã kịp thời báo cáo, tham mưu đề xuất Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trình Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT – TT kịp thời chỉ đạo, xử lý.”	Tiếp thu và chỉnh sửa	
V	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội – Chi nhánh Viettel Bình Phước: Góp ý		
1	Tại trang số 51, phần đánh giá “Phần mềm Voffice”, đề nghị làm rõ nội dung “ <i>Giao diện không hỗ trợ độ phân giải các thiết bị di động, các chức năng tùy chọn xem, sắp xếp, lọc, tìm kiếm văn bản không thuận tiện, linh hoạt theo ý người dùng, người dùng phải bấm quá nhiều thao tác để xử lý một văn bản. Hệ thống thường xuyên gặp sự cố, bộ phận hỗ trợ vận hành phần mềm không hoặc ít đáp ứng theo yêu cầu của Văn phòng UBND tỉnh</i> ”. Viettel Bình Phước đề xuất cập nhật nội dung theo buổi làm việc demo phần mềm Voffice gần nhất.	Tài liệu kiến trúc không thuyết minh nội dung này vì bản demo chưa đưa vào sử dụng chính thức	
2	Đề xuất bổ sung thêm nội dung xây dựng Công thông tin tương tác giữa chính quyền và người dân, tạo sự tương tác 02 chiều, xử lý kịp thời các phản ánh của người dân bởi các cơ quan chức năng. Bao gồm các phân hệ: Quảng bá du lịch tỉnh Bình Phước, tích hợp Camera giám sát lên hệ thống phục vụ người dân xem, diễn đàn trao đổi góp ý của người dân, sáng kiến ý tưởng đóng góp từ người dân.	Tài liệu kiến trúc không thuyết minh nội dung này nên không đưa vào kiến trúc	
3	Đề xuất bổ sung hạng mục giám sát thông tin trực tuyến trên môi trường mạng, đảm bảo an toàn an ninh trên không gian mạng.	Tài liệu kiến trúc không thuyết minh nội dung này nên không đưa vào kiến trúc	
4	Đề xuất bổ sung trung tâm tích hợp dữ liệu dự phòng (Đặt tách biệt với trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh), đảm bảo an toàn an ninh dữ liệu.	Tài liệu kiến trúc không thuyết minh nội dung này nên không đưa vào kiến trúc	
5	Đề xuất bổ sung cụ thể lộ trình triển khai các hạng mục, kinh phí dự kiến triển khai các hạng mục.	Tài liệu kiến trúc không thuyết minh nội dung này nên không đưa vào kiến trúc	

Bảng 1:



Nhóm lĩnh vực DVC do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4
	0	76	3	1
Bảo vệ môi trường	0	12	0	1
Đất đai	0	32	0	0
Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu	0	3	0	0
Tài nguyên khoáng sản	0	20	0	0
Tài nguyên nước	0	9	3	0

Bảng 2:

STT	Tên cơ sở dữ liệu (CSDL)	Cơ quan chủ trì	Hiện trạng triển khai
3	CSDL Đất đai	Sở TNMT	Đang triển khai

Bảng 3:

STT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Mức độ hiện tại	Mức độ tương lai	Cơ quan thực hiện
208	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Đất đai	2	3	Sở TN&MT
211	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.	Đất đai	2	3	Sở TN&MT